

HOSE 19/06/2014

VNINDEX 567.35 -2.68 -0.47%

KLGD 124,333,699 CP
GTGD 1,761.30 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 61 CP
CP Giảm giá 156 CP
CP Đứng giá 87 CP



Tâm điểm

► **Lực cầu giá thấp kéo chỉ số 2 sàn hồi phục khá tốt**

► **Thanh khoản gia tăng khá mạnh**

Tổng giá trị giao dịch cả 2 sàn đạt mức khoảng 2,300 tỷ đồng

► **HSBC: Điều chỉnh tỷ giá không ảnh hưởng nhiều tới tương lai VND**

HSBC cho rằng trong năm tới VND vẫn được giữ tương đối ổn định Dân Việt

► **Cả nước xuất siêu 1.52 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm**

Theo số liệu thống kê sơ bộ vừa được Tổng cục Hải quan công bố, Thời báo Ngân hàng

► **Fed hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ xuống mức 2.2%**

Tuy nhiên, Fed vẫn bày tỏ lạc quan về đà phát triển nhanh của kinh tế Mỹ trong năm Vietnamplus

► **FPT: Lãi trước thuế gần 1,000 tỷ đồng 5 tháng đầu năm**

Với kết quả này, tập đoàn đã hoàn thành 106% kế hoạch lũy kế Trí Thức Trẻ

► **DPM: 6 tháng ước lãi 660 tỷ đồng, đạt 51% kế hoạch**

Được biết, năm 2014, DPM đạt kế hoạch lãi ròng đạt 1.219 tỷ đồng Công Lý

HNX 19/6/2014

HNXINDEX 76.44 -0.42 -0.54%

KLGD 68,664,946 CP
GTGD 690.50 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 52 CP
CP Giảm giá 124 CP
CP Đứng giá 203 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,008,006	13.7	3.0	20.6%	10.9%
HNX	124,085	17.4	1.5	7.5%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,132,091	16.0	2.9	19.4%	10.2%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	7,039	5.9	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,811	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	36,675	19.9	2.1	18.1%	7.7%
Khai khoáng	11,969	52.2	5.0	1.9%	1.2%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,742	17.0	1.4	11.4%	8.1%
Xây dựng	28,669	40.7	1.1	-3.9%	1.5%
Máy công nghiệp	7,864	6.1	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,975	13.8	1.3	14.4%	11.0%
Lốp xe	6,705	8.1	2.2	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,319	9.4	1.2	14.5%	6.4%
Thực phẩm	198,972	22.7	4.7	21.3%	16.4%
Dược phẩm	14,906	10.8	3.1	25.3%	16.7%
Phần mềm	16,327	10.0	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,802	5.5	1.2	-6.5%	3.1%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	203,046	17.0	5.4	32.9%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	26,743	21.7	2.1	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,670	13.4	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng	246,400	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản	132,349	11.2	2.4	27.5%	6.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,050	9.7	1.9	20.5%	8.5%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 613.82 -4.79 -0.77%

HNX30 152.98 -1.13 -0.73%

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu

Hai Bà Trưng

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

HSBC: Điều chỉnh tỷ giá không ảnh hưởng nhiều tới tương lai VND

Cả nước xuất siêu 1.52 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm

Fed hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Mỹ xuống mức 2.2%

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

FPT: Lãi trước thuế gần 1,000 tỷ đồng 5 tháng đầu năm

DPM: 6 tháng ước lãi 660 tỷ đồng, đạt 51% kế hoạch

SVC: Góp gần 85 tỷ đồng vốn thành lập 2 công ty con

► Tin kinh tế

Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) vừa thông báo điều chỉnh tỉ giá giao dịch USD/VND từ 21,036 lên 21,246, tương đương mức điều chỉnh 1%. Đây là lần nâng tỉ giá đầu tiên kể từ ngày 28 tháng Sáu năm 2013 khi VND cũng được điều chỉnh giảm 1% so với USD. Theo nhóm phân tích ngân hàng HSBC, đây không phải là điều bất ngờ lớn khi cặp tiền tệ này đã được giao dịch ở mức trần trong thời gian qua. HSBC cho rằng trong năm tới VND vẫn được giữ tương đối ổn định với dòng ngoại hối cân bằng hơn và dự trữ ngoại hối đang ở mức tốt hơn.

Theo số liệu thống kê sơ bộ vừa được Tổng cục Hải quan công bố, trong tháng 5/2014, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước đạt 12.408 tỷ USD, giảm 5.1% so với tháng trước; trong khi tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt hơn 12.777 tỷ USD, tăng 4.2%. Lũy kế 5 tháng đầu năm, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của cả nước đạt gần 58.780 tỷ USD, tăng 19.9% so với cùng kỳ năm 2013; trong khi tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt gần 57.261 tỷ USD, tăng 10.3%. Như vậy, trong tháng 5, cán cân thương mại hàng hóa của cả nước chỉ thâm hụt 300 triệu USD thay vì con số thâm hụt 400 triệu USD như ước tính trước đó của Tổng cục Thống kê. Mặc dù vậy, tính chung lũy kế 5 tháng đầu năm, cán cân thương mại hàng hóa của cả nước vẫn thặng dư tới gần 1.52 tỷ USD.

Theo thông báo của Ủy ban thị trường mở liên bang (FOMC) sau hai ngày họp định kỳ, Fed quyết định hạ dự báo tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Mỹ trong cả năm 2014 xuống 2.2% so với mức trung bình 2.9% đưa ra hồi tháng Tư. Tuy nhiên, Fed vẫn bày tỏ lạc quan về đà phát triển nhanh của kinh tế Mỹ trong năm tới. Vì thế, Fed quyết định giữ nguyên mức dự báo tăng trưởng GDP 3.1% trong năm 2015 và 2.7% vào năm tiếp theo. Một trong những bằng chứng phản ánh rõ thái độ lạc quan của Fed là tại cuộc họp lần này với toàn bộ 10 phiếu ủng hộ, Ngân hàng trung ương Mỹ đã quyết định sẽ cắt giảm gói cứu trợ thứ ba (QE-3) thêm 10 tỷ USD từ ngày 1/7 tới, xuống còn 35 tỷ USD/tháng.

► Tin doanh nghiệp

Theo tin từ Tập đoàn FPT (HOSE: FPT), kết thúc 5 tháng đầu năm, doanh thu toàn Tập đoàn đạt 12,320 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ năm 2013. Lợi nhuận trước thuế đạt 999 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2013, đạt 106% kế hoạch lũy kế. Lợi nhuận sau thuế đạt 817 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ năm 2013. Lợi nhuận sau thuế dành cho cổ đông công ty mẹ đạt 615 tỷ đồng, tăng 4% so với cùng kỳ năm 2013. Kết thúc 5 tháng đầu năm, lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đạt 1,787 đồng/cổ phiếu. Được biết, ngày 18 tháng 6 năm 2014, FPT chính thức hoàn thành thương vụ M&A đầu tiên trong lịch sử, mua lại công ty RWE IT Slovakia – công ty thành viên chuyên cung cấp các giải pháp SAP và “Smart home” của Tập đoàn RWE.

Tổng CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí (HOSE: DPM) công bố, 6 tháng đầu năm ước đạt 5,050 tỷ đồng tổng doanh thu, lợi nhuận 660 tỷ đồng, lần lượt đạt 58% và 51% kế hoạch năm. Sản lượng sản xuất Đạm Phú Mỹ trong 6 tháng ước mức 396,697 tấn, sản lượng bao bì 23 triệu bao, đều bằng 50% kế hoạch năm. Còn sản lượng kinh doanh, Đạm Phú Mỹ ở mức 470,986 tấn; NPK, DAP, Kali, SA PM ở mức 194,042 tấn, đều bằng 59% kế hoạch. Sản lượng hóa chất đạt 2,159 tấn, bao bì 24.7 triệu bao. Hiện DPM vẫn giữ thị phần 40% trên cả nước về sản phẩm Đạm Phú Mỹ. Về tình hình triển khai các dự án, đầu năm 2014, DPM đã chính thức vận hành thương mại xưởng sản xuất hóa phẩm dầu khí với sản lượng kinh doanh và doanh thu hơn 5,000 thùng hóa phẩm dầu khí chuyên dụng, đạt khoảng 60 tỷ đồng doanh thu. Doanh thu hàng năm khoảng 300 tỷ đồng nếu chạy hết công suất.

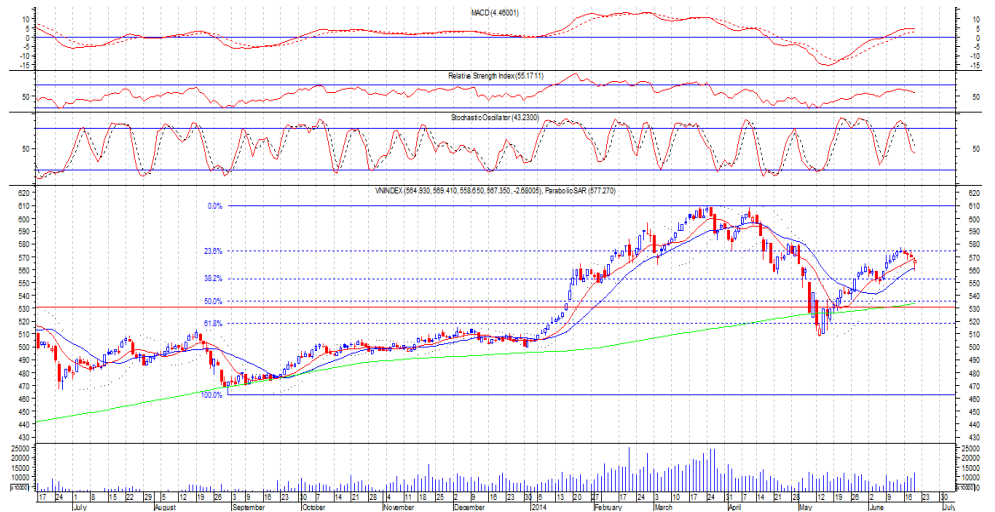
CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (HOSE: SVC) công bố góp vốn thành lập công ty con là CTCP OtoS và CTCP Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà vốn điều lệ lần lượt là 2.47 tỷ đồng và 84 tỷ đồng, trong đó SVC chiếm 93.53% và 98%. Được biết, kết thúc quý 1/2014, SVC đạt 1,590 tỷ đồng doanh thu thuần và 16.19 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, tăng lần lượt 16% và 25% so với cùng kỳ. Đón cửa phiên 18/6, cổ phiếu SVC đã tăng 200 đồng (+1.4%) lên 14,900 đồng/CP sau 3 phiên liên tiếp đứng giá trước đó. Tại phiên hôm nay 19/6, cổ phiếu SVC đang giảm 100 đồng (-0.7%) xuống 14,800 đồng/CP.

HOSE 19/06/2014 VNINDEX 567.35 -2.68 -0.47% 124,333,699 CP 1,761.30 bil VND

Lực cầu giá thấp kéo chỉ số 2 sàn hồi phục khá tốt

VN-Index giảm 2.68 điểm (-0.47%), đóng cửa tại mức 567.35 điểm. VN-Index hình thành cây nến đỏ, thân ngắn, tuy nhiên bóng dưới tương đối dài.

- MACD có xu hướng dừng đà tăng và sắp đi xuống, tăng khả năng cho tín hiệu bán.
- Stochastic Oscillator tiếp tục lao dốc mạnh.
- MA20 tỏ ra hỗ trợ khá tốt cho TT phiên hôm nay.
- RSI (14) sụt giảm xuống mức 55.
- VN-Index đang hướng tới vùng kháng cự 580 điểm, nhịp tích lũy đi ngang tại vùng điểm 560 - 580 điểm vẫn đang được duy trì.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.9%)	12,948,180
HQC	0 (0.0%)	7,344,300
ITA	-0.1 (-1.2%)	6,918,700
SSI	-0.2 (-0.8%)	5,285,810
STB	0 (0.0%)	4,196,970

HOSE Top 5 theo % tăng

MCP	1.2 (6.9%)	10
LGC	1.4 (6.8%)	11,270
SZL	1.1 (6.7%)	135,360
CCI	0.7 (6.7%)	100
HVX	0.3 (6.5%)	10

HOSE Top 5 theo % giảm

NBB	-4.3 (-18.1%)	87,810
SAV	-1.1 (-7.0%)	3,370
TAC	-3.2 (-7.0%)	300
TSC	-1.8 (-6.9%)	205,400
TNA	-1.9 (-6.8%)	500

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

STB	81,5 tỷ	3,904,380
DPM	35,8 tỷ	1,105,010
PVD	15,5 tỷ	185,250
HPG	10,3 tỷ	199,240
CSM	9,8 tỷ	252,600

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-8,2 tỷ	343,380
VIC	-8,2 tỷ	127,820
KBC	-6,4 tỷ	607,540
VCB	-5,5 tỷ	212,750
GAS	-3,3 tỷ	32,060

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	8,987,710	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giảm điểm khá mạnh trong phiên sáng, một phần do thông tin từ biển động, tuy nhiên lực cầu trở lại đã giúp VN-Index hồi phục rất tốt về cuối phiên.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 122 triệu đơn vị. Tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng nhưng đây là một tín hiệu khá tích cực nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 132 tỷ trong phiên hôm nay. Sắp tới là kỳ cơ cấu danh mục của Quỹ ETF, nên nhiều khả năng giao dịch khối này sẽ ảnh hưởng lớn tới Index.
- ▶ VN-Index hướng tới vùng kháng cự 580 điểm. Chỉ số này vẫn đang trong vùng tích lũy mà chúng tôi đã lưu ý 550 - 580 điểm. Thanh khoản gia tăng là yếu tố rất tích cực.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	105.0	198,975.00	17.5	5.6	33.4%	22.6%
VNM	833.4	121.0	100,845.92	15.9	5.4	36.4%	29.1%
MSN	734.9	94.5	69,449.12	211.7	4.8	2.2%	0.7%
VCB	2,665.0	25.6	68,224.76	15.7	1.6	10.4%	1.0%
VIC	894.2	63.5	56,784.27	7.8	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.7	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	14.9	41,886.92	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	39.3	26,742.53	21.7	2.1	10.0%	2.3%
HPG	481.9	52.5	25,300.18	10.7	2.5	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	21.0	23,992.74	11.0	1.5	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

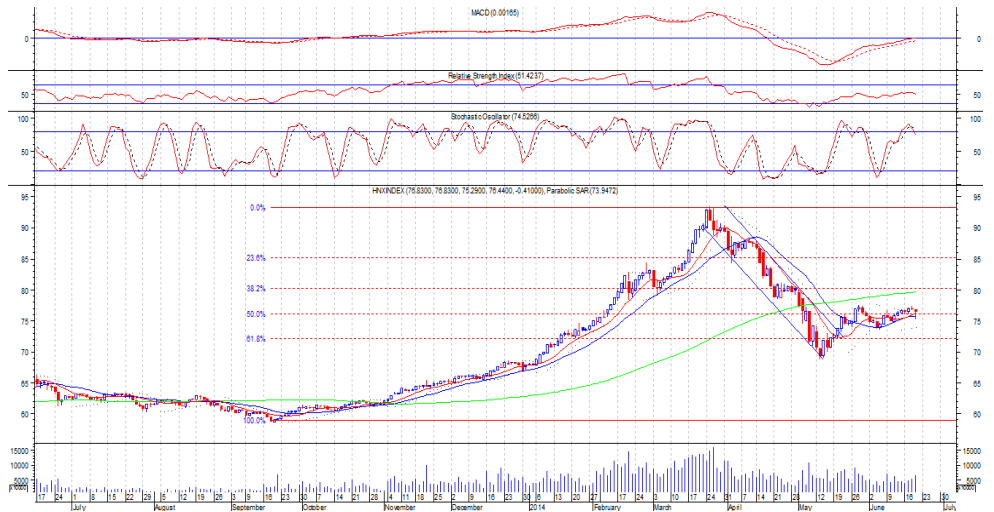
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	12.1	3,095.91	13.0	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.2	15,887.91	9.9	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.4	2,076.65	14.5	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	68.5	3,115.28	8.4	2.0	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.9	722.93	5.3	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	18.9	521.83	1.9	0.9	NA	TH.DOI

HNX 19/06/2014 HNX-Index 76.44 -0.42 -0.54% 68,664,946 CP 690.50 bil. VND

Lực cầu giá thấp kéo chỉ số 2 sàn hồi phục khá tốt

Chỉ số HNX-Index giảm 0.42 điểm (-0.54%), đóng cửa tại mốc 76.44 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đồ thân nền ngắn, bóng dưới khá dài, cây nến gần giống với nến búa đảo chiều.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator cho tín hiệu bán, và tiếp tục sụt giảm.
- MACD tăng nhẹ và sắp cắt đường zero - base.
- RSI (14) giảm nhẹ và đạt mức 51.
- HNX-Index đang có xu hướng giao dịch tích lũy ở vùng Fb 50% và MA20.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	-0.2 (-1.8%)	8,396,300
PVX	0 (0.0%)	7,603,370
SCR	-0.2 (-2.3%)	6,919,980
KLS	-0.1 (-0.8%)	5,043,260
FIT	-0.4 (-2.6%)	3,073,430

HNX Top 5 theo % tăng

DPC	1.1 (10.0%)	1,100
SDG	2.4 (10.0%)	300
PMS	0.7 (9.7%)	2,220
NPS	1.3 (9.4%)	100
LDP	4.6 (8.8%)	100

HNX Top 5 theo % giảm

L44	-0.7 (-10.0%)	2,000
TV3	-1.6 (-10.0%)	900
SMT	-2.2 (-9.9%)	200
VMC	-2 (-9.6%)	2,000
CAN	-3.3 (-9.4%)	120

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

PVS	22,3 tỷ	841,200
VND	8,2 tỷ	534,300
DBC	3,7 tỷ	174,600
PVC	1,9 tỷ	117,600
KLS	0,3 tỷ	26,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

SCR	-0,6 tỷ	66,500
PVG	-0,5 tỷ	44,400
PGS	-0,3 tỷ	10,800
DCS	-0,1 tỷ	16,000
PVL	-0,1 tỷ	22,500

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,853,400	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ TT giảm điểm khá mạnh trong phiên sáng, một phần do thông tin từ biển đông, tuy nhiên lực cầu trở lại đã giúp HNX-Index hồi phục rất tốt về cuối phiên.
- ▶ KLGD gia tăng nhẹ và đạt 65 triệu đơn vị. Tâm lý nhà đầu tư đang khá thận trọng nhưng đây là một tín hiệu khá tích cực nếu thanh khoản tiếp tục được duy trì.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 36 tỷ trong phiên hôm nay. Sắp tới là kỳ cơ cấu danh mục của Quỹ ETF, nên nhiều khả năng giao dịch khối này sẽ ảnh hưởng lớn tới Index.
- ▶ Chúng tôi cho rằng HNX-Index vẫn đang nhịp tích lũy vùng 74 - 76 điểm. Nếu thanh khoản tiếp tục duy trì tốt thì kỳ vọng HNX-Index bứt phá vùng này sẽ lớn dần.
- ▶ NĐT ưa mạo hiểm có thể xem xét mua vào, ưu tiên nhóm cổ phiếu cơ bản tốt. Tuy nhiên, rủi ro T+ sẽ gia tăng, vì vậy việc dùng đòn bẩy nên được hạn chế.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.5	14,101.60	18.4	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	26.8	11,971.57	7.9	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	77.9	8,569.00	264.3	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.1	8,063.36	10.1	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.1	5,786.41	13.2	1.1	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.4	5,080.00	36.1	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	18.9	4,260.33	15.2	0.7	4.6%	2.1%
LAS	77.8	40.0	3,113.28	7.0	2.2	33.5%	17.5%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	23.8%	16.0%
VNR	100.8	27.6	2,782.84	7.9	1.1	14.5%	7.0%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.9	1,060.20	6.9	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	17.8	352.44	6.8	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.3	1,483.13	10.8	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	16.8	840.00	9.7	0.9	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.6	296.10	6.1	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	15.35%	94.5	211.67	4.75	70,426	135,456	256,304
VIC	HOSE	894.2	56,784.27	14.46%	63.5	7.82	3.74	135,398	179,949	472,965
HPG	HOSE	481.9	25,300.18	11.74%	52.5	10.69	2.45	449,891	466,543	763,881
PVD	HOSE	275.3	23,396.94	8.68%	85.0	10.98	2.27	318,062	266,965	439,797
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	8.01%	32.5	6.54	1.42	858,026	899,979	1,462,968
HAG	HOSE	718.2	17,235.71	7.98%	24.0	14.43	1.33	2,230,753	2,085,389	3,206,903
VCB	HOSE	2,665.0	68,224.76	6.11%	25.6	15.73	1.58	483,336	440,160	744,150
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	4.13%	21.0	10.96	1.45	2,259,201	2,095,045	1,316,395
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	3.08%	39.3	21.70	2.13	167,894	263,376	448,865
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	2.71%	8.1	103.71	0.75	4,677,588	4,714,300	7,603,526
HSG	HOSE	96.3	4,334.09	2.68%	45.0	10.90	1.93	75,153	79,484	177,839
GMD	HOSE	114.4	3,730.15	2.26%	32.6	122.43	0.83	188,694	281,336	346,451
PPC	HOSE	318.2	6,553.99	2.03%	20.6	7.28	1.18	174,340	280,046	689,761
VSH	HOSE	206.2	3,423.60	1.74%	16.6	16.03	1.29	129,994	256,902	608,297
CSM	HOSE	67.3	2,624.39	1.64%	39.0	7.08	2.02	277,386	274,964	438,424
KBC	HOSE	389.8	4,131.46	1.48%	10.6	24.91	0.85	862,614	710,188	955,330
DRC	HOSE	83.1	3,655.25	1.33%	44.0	9.50	2.48	87,925	116,484	277,858
PVT	HOSE	255.9	3,095.91	1.18%	12.1	13.03	1.10	556,903	536,644	1,049,028
DIG	HOSE	143.0	2,259.33	1.01%	15.8	44.04	0.99	245,503	207,942	482,579
OGC	HOSE	300.0	3,150.00	0.91%	10.5	47.68	1.01	1,310,394	1,309,975	2,558,745
PET	HOSE	69.8	1,096.52	0.87%	15.7	7.32	0.87	655,737	517,383	604,737

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	11,971.57	5.37%	26.8	7.88	1.40	1,262,784	1,304,735	2,501,474
VIC	HOSE	894.2	56,784.27	8.00%	63.5	7.82	3.74	135,398	179,949	472,965
VCB	HOSE	2,665.0	68,224.76	7.00%	25.6	15.73	1.58	483,336	440,160	744,150
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	6.50%	39.3	21.70	2.13	167,894	263,376	448,865
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	5.79%	32.5	6.54	1.42	858,026	899,979	1,462,968
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	4.26%	21.0	10.96	1.45	2,259,201	2,095,045	1,316,395
PVD	HOSE	275.3	23,396.94	3.22%	85.0	10.98	2.27	318,062	266,965	439,797
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	3.73%	8.1	103.71	0.75	4,677,588	4,714,300	7,603,526
SHB	HNX	886.1	8,063.36	2.86%	9.1	10.09	0.77	3,662,470	4,741,363	7,473,041
PPC	HOSE	318.2	6,553.99	1.58%	20.6	7.28	1.18	174,340	280,046	689,761
OGC	HOSE	300.0	3,150.00	2.33%	10.5	47.68	1.01	1,310,394	1,309,975	2,558,745
GMD	HOSE	114.4	3,730.15	1.62%	32.6	122.43	0.83	188,694	281,336	346,451
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	8.00%	94.5	211.67	4.75	70,426	135,456	256,304
HAG	HOSE	718.2	17,235.71	2.83%	24.0	14.43	1.33	2,230,753	2,085,389	3,206,903
DRC	HOSE	83.1	3,655.25	1.28%	44.0	9.50	2.48	87,925	116,484	277,858
VCG	HNX	441.7	5,786.41	3.58%	13.1	13.16	1.06	1,485,060	1,813,643	2,285,645
PVT	HOSE	255.9	3,095.91	2.05%	12.1	13.03	1.10	556,903	536,644	1,049,028

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	56,784.27	0.00%	63.5	7.82	3.74	135,398	179,949	472,965
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	0.00%	94.5	211.67	4.75	70,426	135,456	256,304
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	0.00%	32.5	6.54	1.42	858,026	899,979	1,462,968
HAG	HOSE	718.2	17,235.71	0.00%	24.0	14.43	1.33	2,230,753	2,085,389	3,206,903
VCB	HOSE	2,665.0	68,224.76	0.00%	25.6	15.73	1.58	483,336	440,160	744,150
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	0.00%	21.0	10.96	1.45	2,259,201	2,095,045	1,316,395
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	0.00%	39.3	21.70	2.13	167,894	263,376	448,865
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.70	1.00	241,516	262,833	632,874
GAS	HOSE	1,895.0	198,975.00	0.00%	105.0	17.52	5.55	340,918	387,194	447,201

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	69,449.12	0.81%	94.5	211.67	4.75	70,426	135,456	256,304
VIC	HOSE	894.2	56,784.27	0.55%	63.5	7.82	3.74	135,398	179,949	472,965
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	0.26%	32.5	6.54	1.42	858,026	899,979	1,462,968
VCB	HOSE	2,665.0	68,224.76	0.20%	25.6	15.73	1.58	483,336	440,160	744,150
STB	HOSE	1,142.5	23,992.74	0.14%	21.0	10.96	1.45	2,259,201	2,095,045	1,316,395
BVH	HOSE	680.5	26,742.53	0.10%	39.3	21.70	2.13	167,894	263,376	448,865

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	7,039	5.9	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,811	7.1	1.5	21.1%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,859	22.7	0.8	3.1%	2.1%
Sản xuất giấy	774	7.9	0.7	10.6%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	36,675	19.9	2.1	18.1%	7.7%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,639	4.1	0.7	18.4%	3.9%
Khai khoáng	11,969	52.2	5.0	1.9%	1.2%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,742	17.0	1.4	11.4%	8.1%
Xây dựng	28,669	- 40.7	1.1	-3.9%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,004	6.9	1.1	17.1%	9.0%
Công nghiệp phức hợp	749	3.7	0.9	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,711	9.7	0.9	7.8%	3.9%
Thiết bị điện	1,601	- 17.0	0.7	-0.5%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,864	6.1	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,249	- 1.6	0.8	2.0%	-0.5%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,975	13.8	1.3	14.4%	11.0%
Dịch vụ vận tải	5,773	8.5	1.4	18.2%	11.2%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,084	10.6	1.3	13.2%	4.6%
Đào tạo & Việc làm	198	9.4	0.6	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	185	8.6	0.9	10.6%	4.8%
Chất thải & Môi trường	154	2.3	0.7	34.8%	17.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,842	10.4	1.4	13.2%	7.7%
Lốp xe	6,705	8.1	2.2	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,748	6.7	1.1	15.9%	8.5%
Vang & Rượu mạnh	360	13.4	2.2	18.7%	11.5%
Đồ uống & giải khát	265	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,319	9.4	1.2	14.5%	6.4%
Thực phẩm	198,972	22.7	4.7	21.3%	16.4%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	52	41.4	0.7	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,116	8.1	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	135	7.6	1.2	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,043	8.4	1.5	17.8%	7.1%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,849	8.8	1.7	16.7%	8.9%
Thuốc lá					
Thuốc lá	703	- 8.4	1.0	-0.1%	4.2%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		852	15.3	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		138	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		182	8.6	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		14,906	10.8	3.1	25.3%	16.7%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		743	13.3	1.2	12.8%	8.3%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,033	8.2	1.2	14.6%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,026	8.2	0.9	12.1%	8.1%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		184	8.1	3.4	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,671	35.5	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,178	27.4	1.4	15.0%	12.7%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,179	10.5	2.0	15.6%	13.8%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		57	13.4	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		509	20.2	0.6	3.1%	1.2%
Internet		289	61.0	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm		16,327	10.0	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		417	15.0	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		264	5.1	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,058	13.9	0.7	5.0%	3.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		21,802	-	5.5	-6.5%	3.1%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		203,046	17.0	5.4	32.9%	22.1%
Nước		1,178	6.4	1.0	16.7%	11.0%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,185	5.3	0.8	15.0%	4.9%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,353	12.0	0.7	5.8%	2.7%
Tái bảo hiểm		2,793	7.9	1.1	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		26,743	21.7	2.1	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,240	47.7	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		24,670	13.4	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		246,400	11.1	1.3	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		132,349	11.2	2.4	27.5%	6.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.8	5.5%	2.5%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		37,050	9.7	1.9	20.5%	8.5%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.